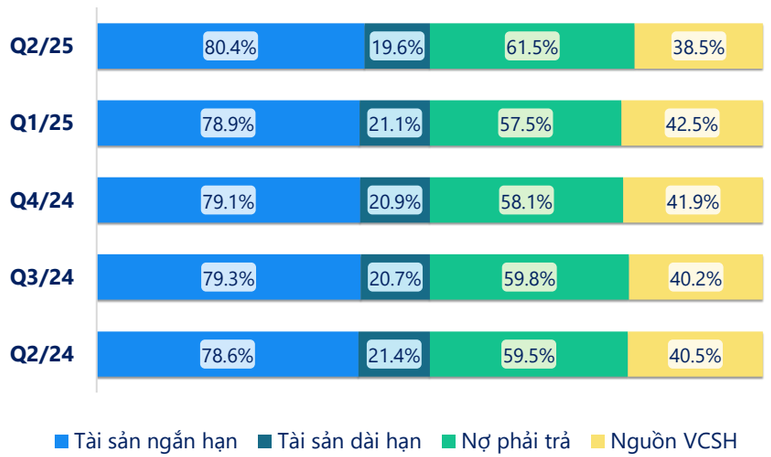
FireAnt

Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (UPCOM: VGV)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	32,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,421
SL cổ phiếu LH	35,774,448
KLGD BQ 20 phiên (CP)	325
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,152
P/E	27.8
EPS	1,157

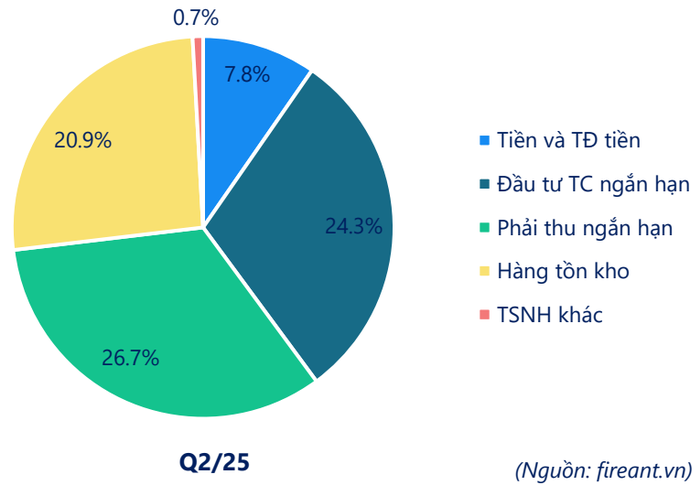
	YTD	1T	3T	6T
VGV	7.7%	0.6%	9.5%	7.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



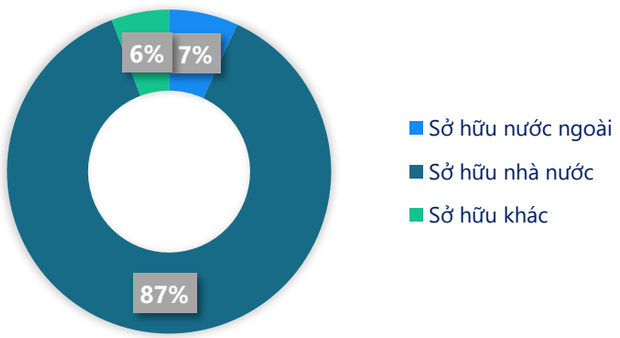
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



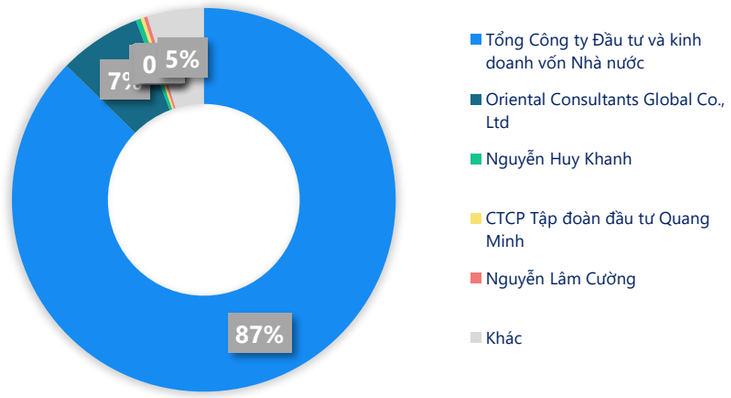
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



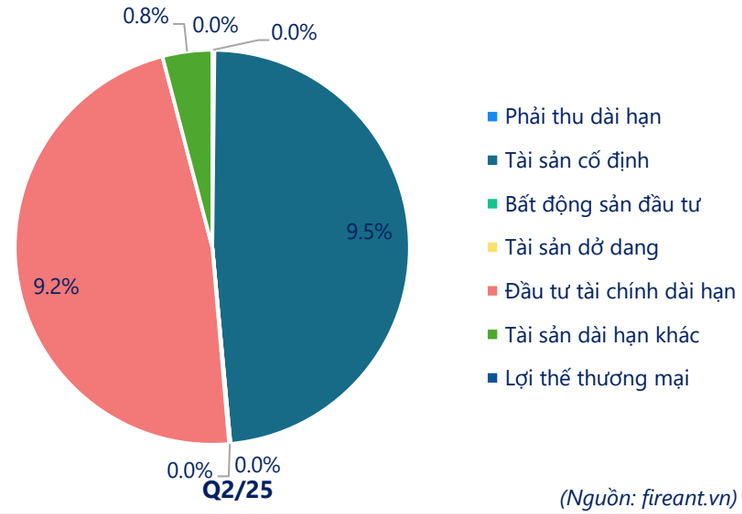
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

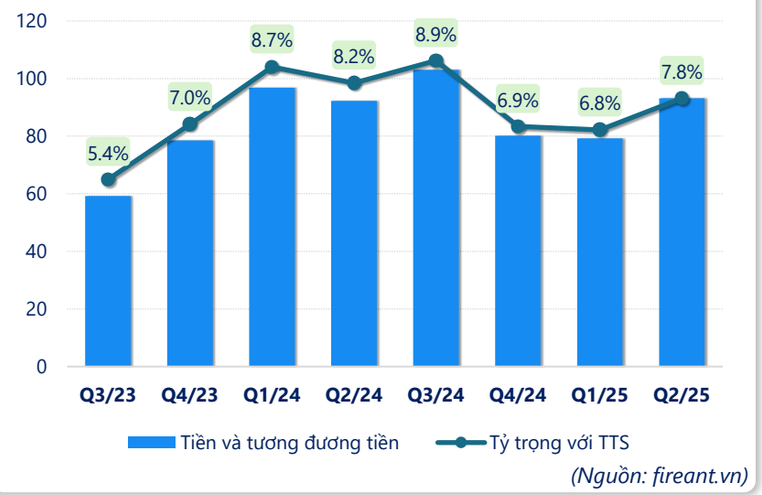


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

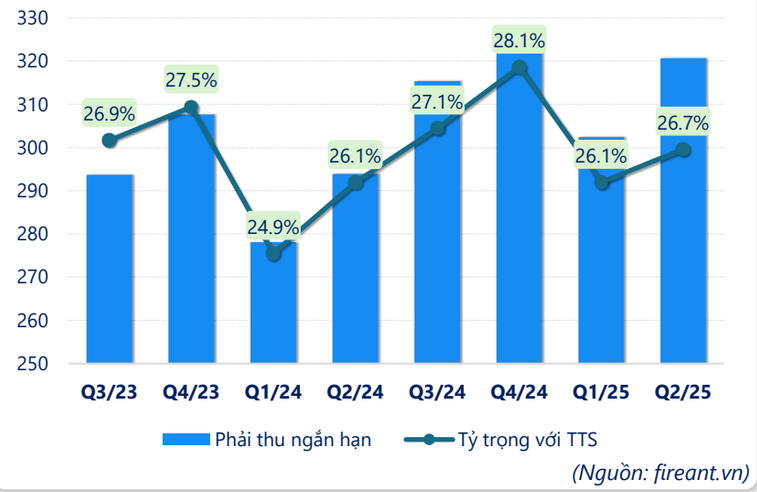
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (UPCOM: VGV)

Tiền và tương đương tiền



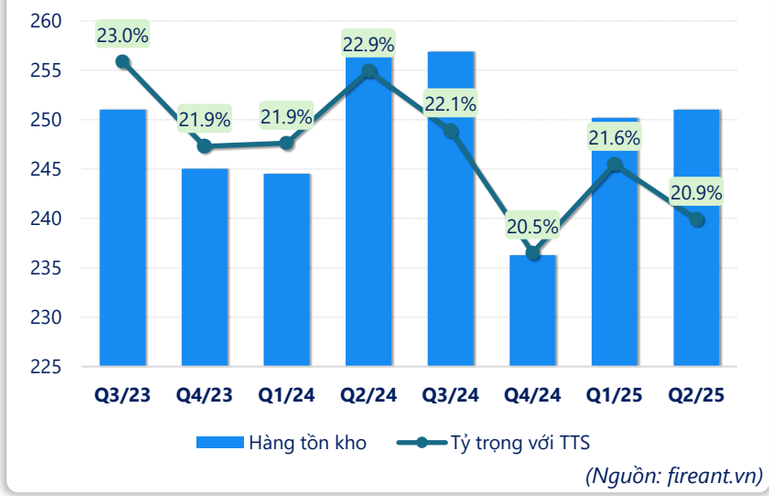
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



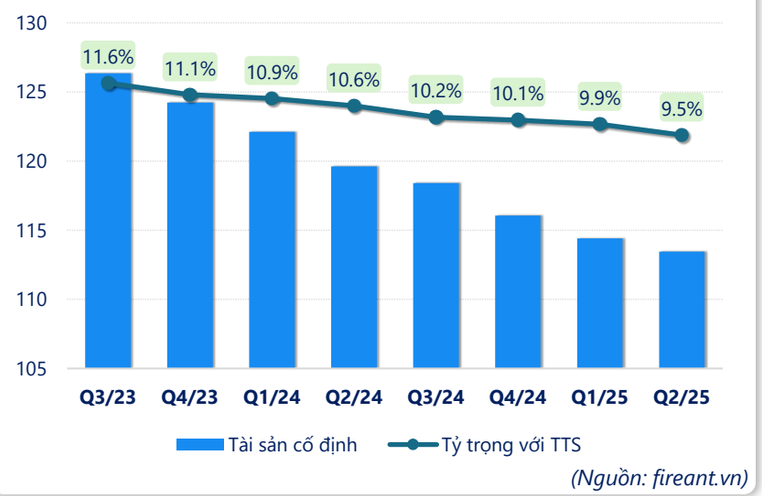
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



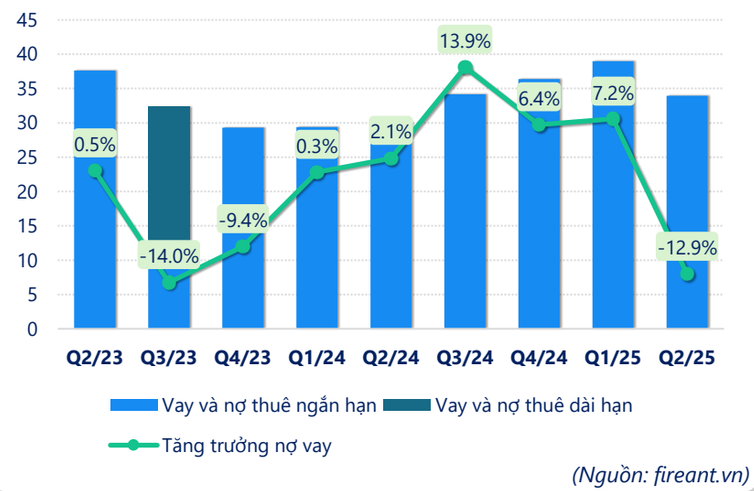
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



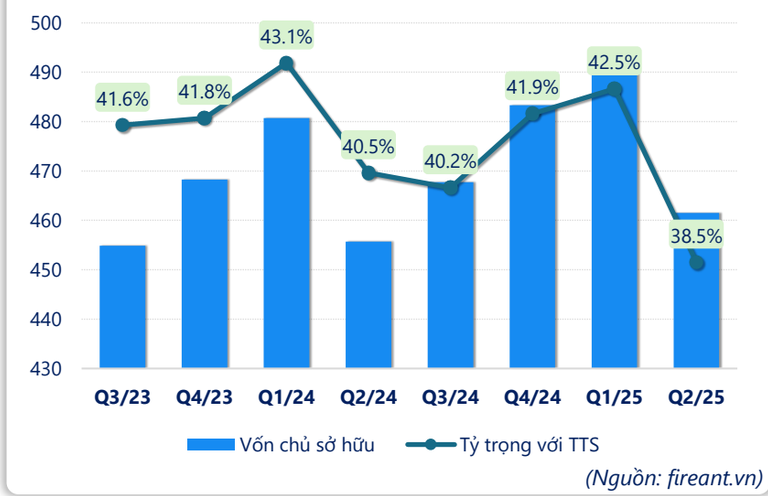
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

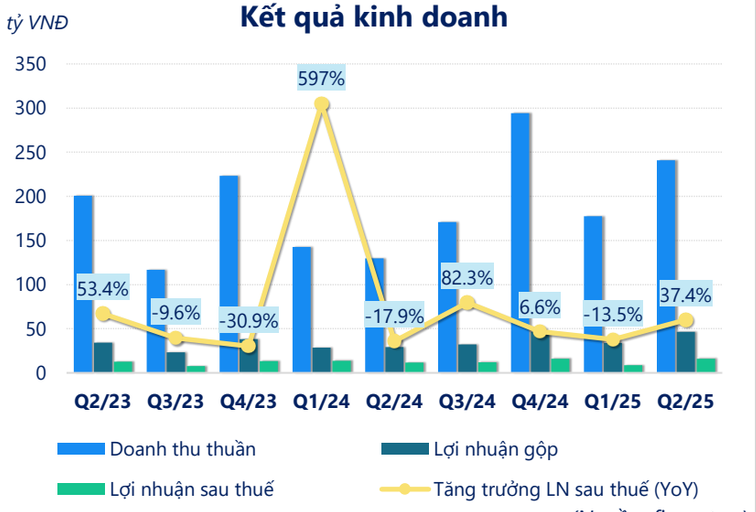
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

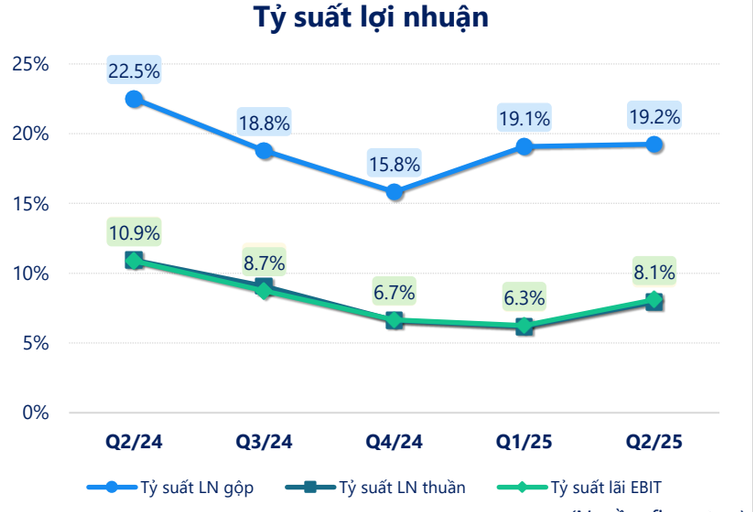
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (UPCOM: VGV)

Kết quả kinh doanh



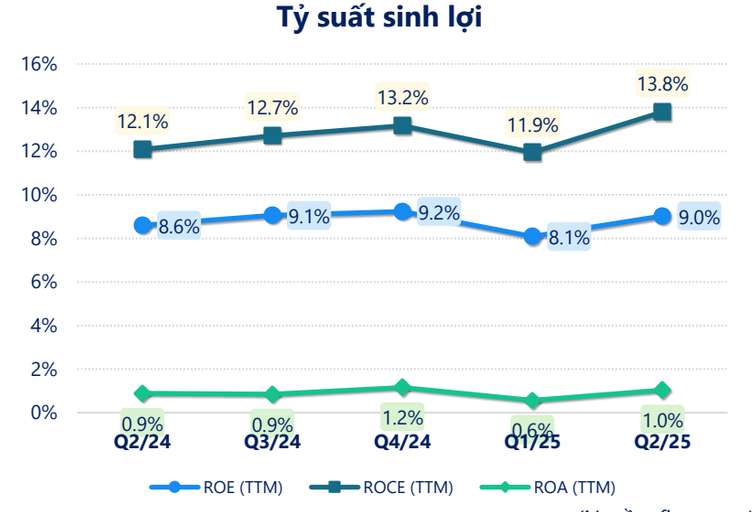
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



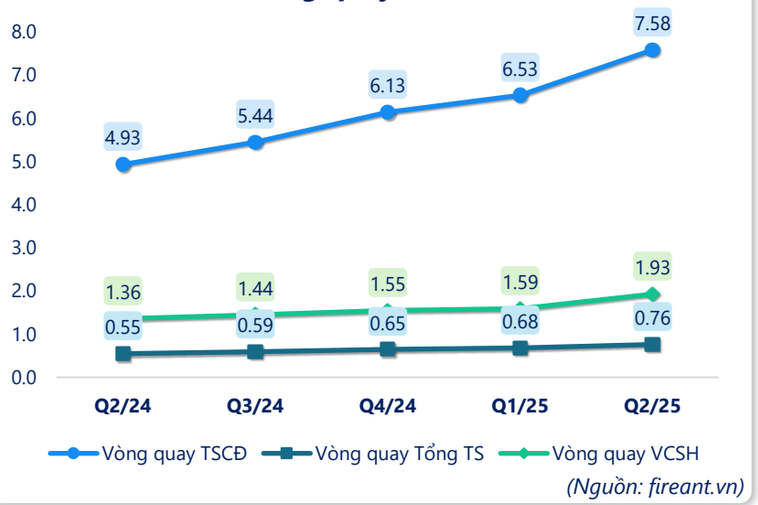
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



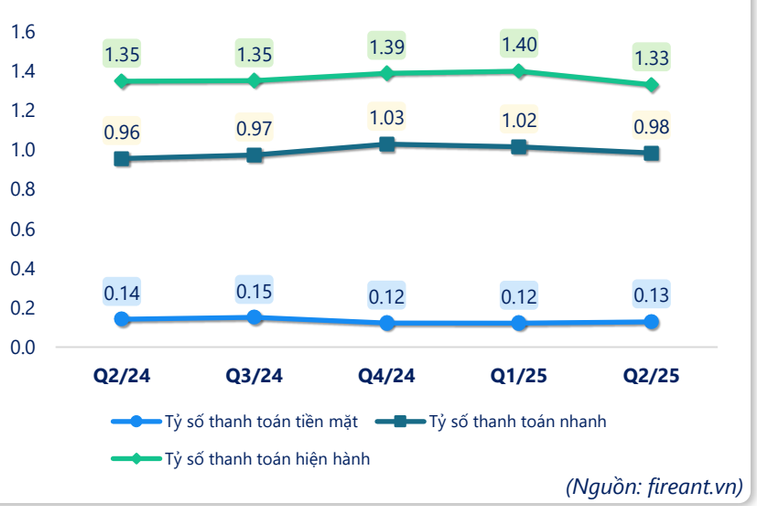
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



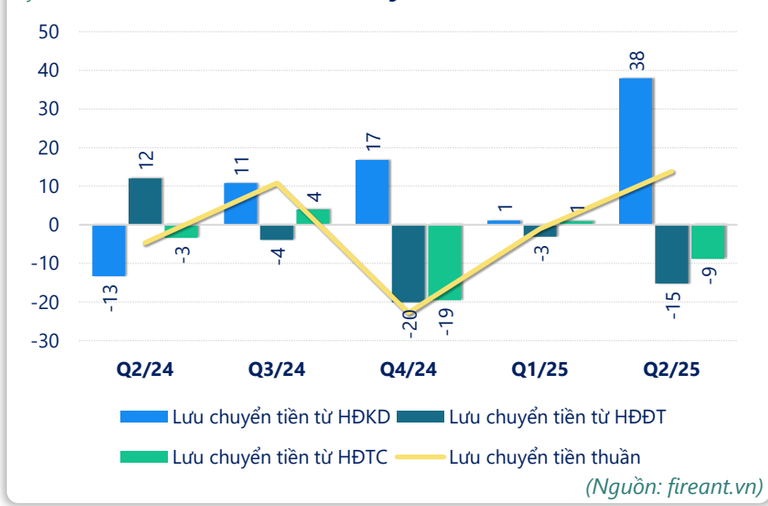
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (UPCOM: VGV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,200**	**1,156**	**3.8%**
Tài sản ngắn hạn	965	913	5.7%
Tiền và tương đương tiền	93.1	80.2	16.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	292	266	9.9%
Phải thu ngắn hạn	321	326	-1.5%
Hàng tồn kho	251	236	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	8.52	5.71	49.2%
Tài sản dài hạn	**235**	**243**	**-3.3%**
Phải thu dài hạn	0.41	0.41	0.0%
Tài sản cố định	113	116	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.26	0.04	535%
Đầu tư tài chính dài hạn	111	118	-6.1%
Tài sản dài hạn khác	**9.55**	**7.84**	**21.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	738	669	10.3%
Nợ ngắn hạn	**725**	**656**	**10.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.9	36.4	-6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.3	41.5	-34.3%
Nợ dài hạn	13.0	13.2	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**462**	**486**	**-5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**462**	**486**	**-5.0%**
Vốn điều lệ	358	358	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.03**	**0.26**	**-86.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	130	171	294	177	241
Giá vốn hàng bán	100	139	248	144	194
Lợi nhuận gộp	29.2	32.1	46.6	33.8	46.3
Doanh thu HĐTC	9.81	2.97	5.09	2.92	10.6
Chi phí TC	0.06	0.08	0.20	0.22	1.10
Chi phí lãi vay	0.06	0.05	0	0.22	0.25
LN trong công ty LKLD	-6.07	2.00	2.17	1.08	-6.43
Chi phí bán hàng	0	0.00	0	0	0
Chi phí QLDN	18.7	21.5	34.2	26.7	30.3
LN thuần từ HĐKD	14.2	15.5	19.5	11.0	19.1
Lợi nhuận khác	-0.14	-0.61	0.12	-0.10	0.17
LN trước thuế	14.0	14.9	19.6	10.9	19.3
Lợi nhuận sau thuế	11.6	12.1	16.0	8.75	15.9
LNST của CĐ cty mẹ	10.00	9.67	13.2	6.48	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.3	10.8	16.8	1.10	37.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.0	-3.94	-20.0	-3.09	-15.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.37	3.99	-19.5	0.97	-8.82
Tiền đầu kỳ	96.8	92.2	103	80.2	79.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.70**	**10.8**	**-22.8**	**-1.01**	**13.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.16	-0.02	-0.09	0	0.11
Tiền cuối kỳ	92.2	103	80.2	79.2	93.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic